TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 22/02/2023
V/v tranh chấp *"hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận

2. Ông Lê Văn Phụng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 656/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 47/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X (được gọi tắt là Công ty X);

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng: Ông Trần Hữu B, nhân viên; Địa chỉ liên hệ: F2 - 73, đường V, khu vực T, phường P, Quận R, Thành phố C, (có mặt), là đại diện theo ủy quyền theo các Văn bản ủy quyền số 34700/UQTA.GLX.22 ngày 13/6/2022 của bà Nguyễn Thị H.T và Văn bản ủy quyền lại số 251/UQTT.DLO.2022 ngày 20/6/2022 của ông Huỳnh Minh T, (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp cho

nguyên đơn trình bày: vào ngày 16/11/2017, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (được gọi tắt là Công ty Tài chính SMBC) có ký hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị H; theo hợp đồng Công ty Tài chính SMBC cho và H vay số tiền 29.962.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn), thỏa thuận mức lãi suất 4.42%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 55.860.969 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong 30 tháng. Bắt đầu từ ngày 01/01/2018. Bà H đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng và đã thanh toán cho Công ty Tài chính SMBC12 lần với tổng số tiền 21.460.000 đồng; từ ngày 20/3/2022 đến nay, bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Ngày 29/3/2021, khoản nợ của bà H đã được Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính SMBC) chuyển nhượng cho Công ty X theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Do bà H đã trễ hạn thanh toán nên Công ty X khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 34.400.969 đồng (vốn gốc 22.299.230 đồng, lãi 12.101.739 đồng).

Bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Tâm có nghĩa vụ trả cho Công ty X vốn và lãi tính đến Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 34.400.969 đồng (vốn gốc 22.299.230 đồng, lãi 12.101.739 đồng). Ngoài ra không yêu cầu bất cứ khoản tiền lãi phát sinh nào khác.

- Bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ

án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Hợp đồng tín dụng số 20171118 - 0004031 ngày 16/11/2017 với số tiền đã giải ngân là 29.962.000 đồng giữa bà H và Công ty Tài chính SMBC được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, khi vay có lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của bà H, việc bà H không trả tiền vốn và lãi suất Công ty tài chính SMBC theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Công ty tài chính SMBC bán khoản nợ trên cho Công ty X; Công ty X khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 34.400.969 đồng (vốn gốc 22.299.230 đồng, lãi 12.101.739 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X.

- Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 34.400.969 đồng (vốn gốc 22.299.230 đồng, lãi 12.101.739 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi suất; căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp *"hợp đồng tín dụng"*.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn vắng mặt tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Vào ngày 16/11/2017, Công ty Tài chính SMBC có ký hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị H; theo hợp đồng Công ty Tài chính SMBC cho bà H vay số tiền 29.962.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn), thỏa thuận mức lãi suất 4.42%/tháng.

Theo thỏa thuận, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 55.860.969 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả liên tiếp trong 30 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2018. Bà H đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng và đã thanh toán cho Công ty Tài chính

SMBC12 lần với tổng số tiền 21.460.000 đồng; từ ngày 20/3/2022 đến nay, bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Ngày 29/3/2021, khoản nợ của bà H đã được Công ty Tài chính SMBC chuyển nhượng cho Công ty X theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003; bà H trễ hạn thanh toán theo cam kết nên Công ty GALAXY khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 34.400.969 đồng (vốn gốc 22.299.230 đồng, lãi 12.101.739 đồng).

[4.2] Về nhận định, đánh giá tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 20171118 - 0004031 ngày 16/11/2017 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận về các nội dung phù hợp quy định pháp luật, khi vay có lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của bà H, việc bà H không trả tiền vốn và lãi suất theo thỏa thuận cho Công ty tài chính SMBC là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Công ty tài chính SMBC bán khoản nợ trên cho Công ty X; Công ty X khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 34.400.969 đồng (vốn gốc 22.299.230 đồng, lãi 12.101.739 đồng) là phù hợp quy định pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về số tiền lãi: phía nguyên đơn không yêu cầu bất cứ khoản tiền lãi phát sinh sau khi thực hiện việc mua bán nợ, không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty X được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số 0012720 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định là 5% số tiền 34.400.969 đồng, tương ứng 1.720.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn).

[7] Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X;

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X số tiền 34.400.969 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X được hoàn lại số tiền 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012720 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn Nguyễn Thị H phải chịu 1.720.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn), án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ GALAXY được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số 0012720 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bị đơn Nguyễn Thị Hoa phải chịu 1.720.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn), án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên thống nhất.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn Nguyễn Thành Tâm được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên thống nhất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc…….giờ…….phút cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng cùng nghe, cùng thống nhất biểu quyết tất cả các vấn để và ký tên.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Hà Huy Phong